

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 545/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 29/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 24/8/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1723	Hà Mai Anh	12/06/1995	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	DBG015785	CNTT/23/3071	Đạt	
2	CNTT1724	Hoàng Thị Ánh	16/12/1996	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG015786	CNTT/23/3072	Đạt	
3	CNTT1725	Lê Thị Dịu	13/07/1980	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,5	DBG015787	CNTT/23/3073	Đạt	
4	CNTT1726	Nguyễn Thị Duyên	05/05/1990	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG015788	CNTT/23/3074	Đạt	
5	CNTT1727	Trần Văn Giang	01/01/1968	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG015789	CNTT/23/3075	Đạt	
6	CNTT1728	Trần Thị Thu Hà	05/11/1977	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG015790	CNTT/23/3076	Đạt	
7	CNTT1729	Nguyễn Bá Hải	01/07/1998	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG015791	CNTT/23/3077	Đạt	
8	CNTT1730	Phạm Thị Hồng Hạnh	10/02/1997	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG015792	CNTT/23/3078	Đạt	
9	CNTT1731	Hoàng Thị Hằng	15/08/1979	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015793	CNTT/23/3079	Đạt	
10	CNTT1732	Nguyễn Kim Hằng	30/10/1992	Lạng Sơn	Nữ	8,2	7,5	DBG015794	CNTT/23/3080	Đạt	
11	CNTT1733	Phí Thị Hiên	06/02/1994	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015795	CNTT/23/3081	Đạt	
12	CNTT1734	Phạm Thị Hiên	27/10/1973	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015796	CNTT/23/3082	Đạt	
13	CNTT1735	Trần Thị Hiếu	06/09/1974	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,5	DBG015797	CNTT/23/3083	Đạt	
14	CNTT1736	Nguyễn Thị Hòa	18/12/1992	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015798	CNTT/23/3084	Đạt	
15	CNTT1737	Nguyễn Thị Hoàn	07/01/1979	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG015799	CNTT/23/3085	Đạt	
16	CNTT1738	Lê Thị Hồng	16/12/1990	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,5	DBG015800	CNTT/23/3086	Đạt	
17	CNTT1739	Vi Thị Thu Hồng	20/12/1993	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015801	CNTT/23/3087	Đạt	
18	CNTT1740	Nông Thị Huyền	14/07/1978	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,5	DBG015802	CNTT/23/3088	Đạt	
19	CNTT1741	Giáp Thị Huyền	20/09/1973	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG015803	CNTT/23/3089	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1742	Thân Thu	Hương	10/09/1981	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG015804	CNTT/23/3090	Đạt	
21	CNTT1743	Đặng Thị	Hường	26/04/1990	Hà Nội	Nữ	8,2	6,5	DBG015805	CNTT/23/3091	Đạt	
22	CNTT1744	Lý Thị	Hường	15/05/1994	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,0	DBG015806	CNTT/23/3092	Đạt	
23	CNTT1745	Vi Thị	Hường	11/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,5	DBG015807	CNTT/23/3093	Đạt	
24	CNTT1746	Hoàng Thị	Khách	09/07/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG015808	CNTT/23/3094	Đạt	
25	CNTT1747	Phạm Trung	Kiên	01/04/1970	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG015809	CNTT/23/3095	Đạt	
26	CNTT1748	Nguyễn Thị	Lành	16/02/1981	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG015810	CNTT/23/3096	Đạt	
27	CNTT1749	Giáp Thị	Lắm	24/08/1987	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG015811	CNTT/23/3097	Đạt	
28	CNTT1750	Vi Thị	Liên	10/04/1991	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG015812	CNTT/23/3098	Đạt	
29	CNTT1751	Hoàng Văn	Luân	26/09/1970	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG015813	CNTT/23/3099	Đạt	
30	CNTT1752	Nguyễn Thị	Luyến	08/04/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG015814	CNTT/23/3100	Đạt	
31	CNTT1753	Ngô Văn	Luyện	20/04/1974	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG015815	CNTT/23/3101	Đạt	
32	CNTT1754	Nguyễn Thị Xuân	Lương	14/02/1991	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG015816	CNTT/23/3102	Đạt	
33	CNTT1755	Tăng Như	Lương	28/01/1992	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG015817	CNTT/23/3103	Đạt	
34	CNTT1756	Đào Thị	Mai	19/12/1989	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015818	CNTT/23/3104	Đạt	
35	CNTT1757	Vi Thị	Mừng	18/10/1999	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	DBG015819	CNTT/23/3105	Đạt	
36	CNTT1758	Chu Thị	Năm	18/04/1981	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG015820	CNTT/23/3106	Đạt	
37	CNTT1759	Nguyễn Thị	Nga	15/09/1988	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG015821	CNTT/23/3107	Đạt	
38	CNTT1760	Vũ Thị	Nga	20/10/1974	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015822	CNTT/23/3108	Đạt	
39	CNTT1761	Đinh Thị	Ngân	04/09/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015823	CNTT/23/3109	Đạt	
40	CNTT1762	Nguyễn Văn	Ngọc	30/07/1998	Bắc Giang	Nam	8,2	6,5	DBG015824	CNTT/23/3110	Đạt	
41	CNTT1763	Lê Thị	Ngọt	01/08/1986	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015825	CNTT/23/3111	Đạt	
42	CNTT1764	Ngô Thị	Nguyệt	20/02/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015826	CNTT/23/3112	Đạt	
43	CNTT1765	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/01/1975	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015827	CNTT/23/3113	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1766	Nguyễn Thị Nhài	02/06/1995	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG015828	CNTT/23/3114	Đạt	
45	CNTT1767	Nguyễn Thị Nhài	22/06/1983	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015829	CNTT/23/3115	Đạt	
46	CNTT1768	Nguyễn Thị Linh Nhâm	24/03/1992	Thái Nguyên	Nữ	7,7	8,0	DBG015830	CNTT/23/3116	Đạt	
47	CNTT1769	Trần Thị Nhất	16/01/1995	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015831	CNTT/23/3117	Đạt	
48	CNTT1770	Nguyễn Thị Nhớ	15/12/1989	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015832	CNTT/23/3118	Đạt	
49	CNTT1771	Ngụy Thị Oanh	12/09/1975	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG015833	CNTT/23/3119	Đạt	
50	CNTT1772	Đàm Thị Pén	07/08/1987	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG015834	CNTT/23/3120	Đạt	
51	CNTT1773	Hoàng Anh Quân	01/09/1976	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015835	CNTT/23/3121	Đạt	
52	CNTT1774	Vũ Thị Quyên	30/11/1987	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG015836	CNTT/23/3122	Đạt	
53	CNTT1775	Dương Thị Quỳnh	12/07/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015837	CNTT/23/3123	Đạt	
54	CNTT1776	Nguyễn Thị Sáu	12/07/1974	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015838	CNTT/23/3124	Đạt	
55	CNTT1777	Vi Thị Sen	11/05/1985	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG015839	CNTT/23/3125	Đạt	
56	CNTT1778	Phạm Thị Sơn	20/09/1982	Điện Biên	Nữ	7,5	8,0	DBG015840	CNTT/23/3126	Đạt	
57	CNTT1779	Đỗ Thị Thu Thảo	15/10/1994	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015841	CNTT/23/3127	Đạt	
58	CNTT1781	Trần Thị Phương Thu	18/07/1987	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015842	CNTT/23/3128	Đạt	
59	CNTT1782	Nguyễn Thị Thúy	06/05/1993	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,5	DBG015843	CNTT/23/3129	Đạt	
60	CNTT1783	Nguyễn Thị Thúy	10/05/1996	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG015844	CNTT/23/3130	Đạt	
61	CNTT1784	Đặng Thị Thương	01/03/1986	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015845	CNTT/23/3131	Đạt	
62	CNTT1785	Nguyễn Phi Tuấn	20/10/1997	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG015846	CNTT/23/3132	Đạt	
63	CNTT1786	Nguyễn Thị Xuyên	02/03/1989	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG015847	CNTT/23/3133	Đạt	
64	CNTT1787	Nguyễn Thị Uyên	10/04/1994	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015848	CNTT/23/3134	Đạt	
65	CNTT1788	Lã Thị Uyển	28/01/1974	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG015849	CNTT/23/3135	Đạt	
66	CNTT1789	Lường Văn Vinh	04/08/1991	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG015850	CNTT/23/3136	Đạt	
67	CNTT1790	Hoàng Thị Xuân	05/12/1992	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015851	CNTT/23/3137	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT1791	Hoàng Thị Yên	19/05/1995	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG015852	CNTT/23/3138	Đạt	
69	CNTT1792	Lâm Thị Yên	06/10/1984	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015853	CNTT/23/3139	Đạt	
70	CNTT1793	Nguyễn Thị Hải Yến	13/11/1978	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,5	DBG015854	CNTT/23/3140	Đạt	
71	CNTT1794	Phạm Thị Yến	26/08/1974	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG015855	CNTT/23/3141	Đạt	
72	CNTT1795	Vũ Thị Yến	19/05/1975	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015856	CNTT/23/3142	Đạt	

Danh sách có 72 thí sinh./.